

DI CƯ VÀ LAI TẠO VĂN HÓA: LAO ĐỘNG DI CƯ VIỆT NAM LÀM VIỆC TẠI THÁI LAN

Lê Văn Tôn¹, Lê Thị Thanh Thủy²

TÓM TẮT

Di cư là một hiện tượng đa chiều, tác động sâu sắc đến bức tranh văn hóa khu vực. Trong bối cảnh ASEAN, lao động di cư Việt Nam làm việc tại Thái Lan không chỉ góp phần tăng trưởng kinh tế song phương mà còn hình thành “không gian thứ ba” (third space), xuất hiện từ sự tiếp xúc giữa hai nền văn hóa Việt - Thái, tạo ra môi trường xã hội mới, nơi các nền văn hóa gặp gỡ, tương tác dẫn đến sự lai tạo văn hóa và hình thành các giá trị văn hóa mới. Những giá trị này không chỉ làm giàu thêm bản sắc văn hóa của Việt Nam và Thái Lan mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của khu vực, hướng tới một cộng đồng ASEAN hòa bình, thịnh vượng và bền vững.

Từ khóa: Lao động di cư, lai tạo văn hóa, làng Thái Lan, Thanh Hóa, Việt Nam.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.72.01.2025.723>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Người Việt di cư đến Thái Lan đã được ghi nhận từ thế kỷ thứ 7, một đoàn tăng sĩ từ Giao Chỉ và Cửu Chân (nay là các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh) đã di cư đến Thái Lan qua đường bộ để tìm hiểu về Phật giáo [9]. Từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 16, không có bằng chứng về sự di cư của người Việt sang Thái Lan. Tuy nhiên, vào giữa thế kỷ 17, khoảng 300 thương nhân người Việt từ miền Nam Việt Nam di cư đến Thái Lan bằng đường biển và lập nên “Làng Việt” tại Ayutthaya, trung tâm kinh tế sầm uất lúc bấy giờ [19]. Từ thế kỷ 18 đến nửa đầu thế kỷ 20, dòng người Việt di cư sang Thái Lan tăng mạnh, đa số là những người tìm kiếm cơ hội làm ăn, xây dựng cuộc sống mới. Đồng thời cũng có một bộ phận thanh niên yêu nước đã chọn Thái Lan làm nơi hoạt động cách mạng [7]. Đến năm 1946, cộng đồng người Việt tại Thái Lan đã đạt 70.000 người, và con số này vượt mốc 100.000 vào năm 1959, sinh sống tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Bắc [17]. Sự hiện diện của Việt kiều tại Thái Lan nhận được sự chào đón của người dân và chính phủ nước sở tại, họ được chính phủ cấp đất sản xuất nông nghiệp, và tự do kinh doanh buôn bán [4]. Tuy nhiên, sau cuộc đảo chính năm 1947, chính quyền và quân đội Thái Lan nghi ngờ cộng đồng người Việt tại Thái Lan ủng hộ chính quyền miền Bắc Việt Nam và Đảng Cộng sản Thái Lan, xem Việt kiều là mối đe dọa an ninh. Do đó, chính quyền và quân đội Thái đã thực hiện một loạt các cuộc đàn áp dữ dội. Việt kiều bị hạn chế cư trú chỉ trong 5 tỉnh, cấm kinh doanh, dạy tiếng Việt và đi lại tự do. Điều này đẩy họ vào cảnh sống khôn khó và hỗn loạn. Năm 1956, lệnh trục xuất Việt kiều về miền Nam Việt Nam của chính quyền quân đội Thái đã vấp phải sự phản đối quyết liệt của Việt kiều với khẩu hiệu “Thà chết chứ không về miền Nam với Mỹ và chính phủ bù nhìn”. Việt kiều khẳng định lòng trung thành với Chủ tịch Hồ Chí Minh và mong muốn hồi hương về miền Bắc. Năm 1958,

¹ Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Hồng Đức; Email: levanton@hdu.edu.vn

² Trường TH, THCS&THPT Hồng Đức

sau các cuộc đàm phán giữa chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hội Chữ thập đỏ Thái Lan tại Yangon, thỏa thuận đưa Việt kiều về miền Bắc cuối cùng đã được ký kết [7]. Năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi kiều bào về nước chung tay xây dựng kinh tế. Theo đó, đã có 75 chuyến tàu biển cập cảng Hải Phòng, chuyên chở khoảng 70.000 kiều bào và hàng trăm ngàn tấn hàng hóa trong giai đoạn từ 1960 - 1964. Quá trình hồi hương bị tạm dừng nhằm bảo vệ sự an toàn cho kiều bào trong bối cảnh quân đội Mỹ điều tàu chiến vây ráp và phong tỏa toàn bộ cửa ngõ Vịnh Bắc Bộ vào tháng 8 năm 1964, kiểm soát toàn bộ các phương tiện tàu, thuyền ra vào lãnh thổ Việt Nam. Do đó, nhiều Việt kiều đã bị “mắc kẹt” lại Thái Lan với số lượng được ghi nhận khoảng 42.000 người [18].

Chính sách đổi mới của Việt Nam năm 1986 và chính sách “Biển chiến trường Đông Dương thành thị trường kinh doanh” của Thái Lan năm 1988 đã tạo điều kiện thuận lợi cho Việt kiều hồi hương đi lại và buôn bán giữa các nước trong khu vực [4]. Năm 1990, cộng đồng người Việt tại Làng Thái Lan (thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa) đã kết nối với cộng đồng người Việt tại Lào và Thái Lan, hình thành mạng lưới di cư đường bộ giữa Việt Nam và Thái Lan [10]. Mạng lưới này vẫn hoạt động đến ngày nay, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt kiều và lao động di cư sinh sống, làm việc và đi lại giữa hai quốc gia.

Nghiên cứu này, tác giả vận dụng quan điểm của Homi Bhabha (1994) về khái niệm lai tạo văn hóa, sự tiếp xúc giữa các nền văn hóa sẽ hình thành nên không gian thứ ba (third space), nơi diễn ra quá trình lai tạo văn hóa giữa hai hoặc nhiều nhóm dân tộc để làm sáng tỏ quá trình lai tạo văn hóa trong nhóm lao động di cư Việt Nam làm việc tại Thái Lan trong nhiều thập kỷ qua. Quá trình này tạo ra một giá trị văn hóa mới, rất riêng biệt, không hoàn toàn giống với văn hóa bản địa hay văn hóa nơi tiếp nhận. Sản phẩm văn hóa mới này được Homi Bhabha định danh là văn hóa lai tạo (hybrid culture) [14]. Bên cạnh đó, tác giả ứng dụng lý thuyết giao lưu và tiếp biến văn hóa để phân tích sự giao thoa văn hóa trong cộng đồng lao động di cư Việt Nam tại Thái Lan. Dựa trên các thuật ngữ giao lưu văn hóa “cultural contacts” và tiếp biến văn hóa “cultural exchanges”, nghiên cứu xác định giao lưu và tiếp biến văn hóa là quy luật vận động, phát triển văn hóa giữa các dân tộc, cộng đồng, thể hiện qua sự biến đổi văn hóa khi nền văn hóa tiếp xúc với nhau. Quá trình này là sự tổng hòa, tích hợp các yếu tố văn hóa “nội sinh” và “ngoại sinh”, tạo nên một nền văn hóa đa dạng và tiến bộ hơn [5].

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài báo này, chúng tôi tập trung vào quá trình di cư và lai tạo văn hóa, đặc biệt xem xét ảnh hưởng của di cư xuyên biên giới, giao lưu và tiếp biến văn hóa đến xây dựng bản sắc cá nhân, cộng đồng của lao động Việt Nam, cụ thể là tại khu vực Làng Thái Lan ở thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Đây là vấn đề còn khá mới mẻ, chưa có tài liệu hay công trình nào đề cập đến. Chính vì vậy, kết quả nghiên cứu này sẽ đóng góp thêm nguồn tư liệu khoa học, hỗ trợ cho việc xây dựng và thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án và chính sách về di cư, đặc biệt là di cư xuyên biên giới và xuất khẩu lao động của Chính phủ Việt Nam nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng.

Để đảm bảo tính khách quan và khoa học cho kết quả nghiên cứu, ngoài việc thu thập, phân tích và tổng hợp tài liệu liên quan đến chủ đề nghiên cứu, phương pháp điền dã dân tộc học và thu thập dữ liệu thực tế đóng vai trò chủ đạo. Bằng phương pháp điền dã dân tộc học, nhóm tác giả trực tiếp tham gia vào đời sống của cộng đồng lao động di cư tại

hai nước Việt - Thái trong một thời gian dài, quan sát, phỏng vấn, ghi chép và phân tích các hành vi, tương tác và bối cảnh văn hóa của họ, qua đó giúp tác giả hiểu sâu sắc về văn hóa, xã hội và đời sống của họ. Sự kết hợp dữ liệu thực tế với những hiểu biết sâu sắc thu được từ phương pháp điền dã dân tộc học, tác giả có thể đưa ra những phân tích toàn diện và chính xác về chủ đề nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện tại 2 địa bàn: Làng Thái Lan, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (Việt Nam) và quận Din Daeng, Bangkok (Thái Lan).

2.1.1. Làng Thái Lan, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Làng Thái Lan (tên chính thức là khu phố Vĩnh Long), nằm tại trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, là nơi cư trú của cộng đồng người Việt hồi hương là trọng tâm nghiên cứu của chúng tôi. Trước năm 1963, khu vực này là nơi cư trú của các cộng đồng dân tộc thiểu số, với những ngôi làng nhỏ nằm rải rác giữa những cánh rừng lim rộng lớn. Từ năm 1963 đến đầu năm 1965, kiều bào từ các tỉnh Đông Bắc Thái Lan (Nakhon Ratchasima, Ubon Ratchathani và Surin) bắt đầu hồi hương về nước và chọn thị trấn Bến Sung định cư. Đến năm 1965, 62 hộ gia đình Việt kiều (khoảng 300 nhân khẩu) đã về Bến Sung sinh sống và được chính quyền địa phương cấp đất (1.500m²/hộ) theo chủ trương của Nhà nước đối với kiều bào hồi hương [11], hỗ trợ Việt kiều xây dựng nhà cửa dọc Quốc lộ 45, hình thành nên cộng đồng dân cư được người dân địa phương gọi là Làng Thái Lan. Quá trình định cư đã tạo ra sự giao thoa văn hóa với người dân địa phương, hình thành bản sắc độc đáo cho cộng đồng Việt kiều tại Làng Thái Lan.

2.1.2. Quận Din Daeng, Bangkok, Thái Lan

Quận Din Daeng, Bangkok, Thái Lan là trung tâm của nhiều doanh nghiệp dệt may vừa và nhỏ, trong đó có các nhà thầu và lao động dệt may Việt Nam. Khu vực này tọa lạc tại trung tâm thủ đô Bangkok, tiếp giáp với các trung tâm bán buôn, bán lẻ quần áo khu vực ASEAN như chợ Pratunam, chợ đêm Ratchada, chợ trời Rod Fai... thu hút một lượng lớn lao động di cư, bao gồm lao động hợp pháp và bất hợp pháp, đến từ các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Myanmar và Việt Nam. Lao động Việt Nam thường khóa cửa bên ngoài, mọi sinh hoạt, làm việc đều diễn ra bên trong ngôi nhà, chủ thầu là người thường xuyên ra ngoài đi chợ, nhận hoặc giao đơn hàng dệt may, những lao động chưa thông thạo tiếng Thái ít khi xuất hiện bên ngoài. Đây là chiến lược tự bảo vệ của lao động di cư Việt Nam tại Thái Lan để tránh bị công an phát hiện, bắt giữ và trục xuất [1]. Theo khảo sát của chúng tôi, khu vực này có khoảng 50 nhà thầu, và gần 1000 lao động dệt may đến từ huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (Việt Nam). Các chủ thầu người Việt tuyển dụng từ 6 đến 20 lao động, chủ yếu là anh em, họ hàng và hàng xóm từ quê nhà, xây dựng nên một cộng đồng lao động di cư Việt Nam trong khu vực này [12]. Lao động người Việt thường bắt đầu làm việc từ 10h sáng và kết thúc lúc 2 giờ sáng ngày hôm sau, thu nhập bình quân khoảng 40.000 Baht/tháng (tương đương khoảng 28 triệu đồng). Trừ tất cả các chi phí, trung bình mỗi lao động gửi về quê nhà 20 triệu đồng/tháng. Ngoài nghề may, lao động Việt Nam tại Din Daeng còn tham gia buôn bán rau quả, nước ép trái cây, thịt cá

nướng quanh chợ Din Daeng với thu nhập gấp rưỡi nghề may (khoảng 40 triệu đồng/tháng). Để kinh doanh thành công, họ cần thông thạo tiếng Thái, hiểu và thực hành văn hóa Thái như cư dân địa phương, cùng với chiến lược kinh doanh riêng, đặc biệt là xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng và cộng đồng người Thái.

Lao động di cư Việt Nam thường xuyên qua lại giữa Việt Nam và Thái Lan, trong 3 năm nghiên cứu thực địa, tác giả ghi nhận tần suất đi lại giữa Việt Nam và Thái Lan của lao động di cư Việt Nam rất cao, trung bình mỗi người 3-4 lượt mỗi năm.

3.2. Bối cảnh lịch sử

Lịch sử Việt Nam và Thái Lan có những giai đoạn phát triển rất khác biệt. Trong khi Việt Nam trải qua nhiều biến động cũng như thăng trầm về chính trị, cùng chiến tranh xâm lược dẫn đến tình trạng kiệt quệ về kinh tế và xã hội, thì Thái Lan lại duy trì được một mức độ ổn định tương đối. Sự ổn định này đã tạo nên một sự tương phản rõ rệt, khiến Thái Lan trở thành một điểm đến hấp dẫn về điều kiện sống và cơ hội phát triển kinh tế, thu hút dòng người di cư từ Việt Nam đến Thái Lan trong nhiều giai đoạn lịch sử. Mặc dù trong diễn trình lịch sử của Thái Lan, tình hình chính trị trong nước có những biến động. Tính đến năm 2014, quân đội đã 12 lần đảo chính, lật đổ chính quyền lên điều hành đất nước, đã kéo theo nhiều cuộc biểu tình chính trị sau đó [2]. Dù vậy, nền kinh tế nước này vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng. Thái Lan có tỉ lệ sinh thấp nhất khu vực ASEAN dẫn đến thiếu hụt lao động [12], đặc biệt trong các ngành dệt may, dịch vụ ăn uống, chăm sóc người già, nội trợ, xây dựng và ngư nghiệp. Nhu cầu lao động trong các lĩnh vực này luôn cao, thu hút lực lượng lao động di cư từ các quốc gia lân cận, bất chấp tình hình chính trị trong nước.

Dòng người di cư từ Việt Nam sang Thái Lan kéo dài suốt nhiều thế kỷ, tạo nên một cộng đồng người Việt kiều ngày càng đông đảo tại Thái Lan. Quá trình di cư này diễn ra phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố lịch sử, chính trị và kinh tế. Đến năm 1959, số lượng Việt kiều tại Thái Lan đã vượt quá 100.000 người [17]. Năm 1960, cộng đồng người Việt tại Thái Lan đối mặt vô vàn khó khăn, thách thức khi chính phủ quân đội Thái Lan nghi ngờ mối liên hệ mật thiết giữa cộng đồng người Việt tại đây với Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng cộng sản Thái Lan đã dẫn đến những chính sách hà khắc, đẩy cuộc sống của người Việt kiều vào cảnh hỗn loạn [6]. Trước tình thế đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi kiều bào hoi hương, một mặt để bảo vệ đồng bào, mặt khác nhằm huy động nguồn lực chất lượng cao góp phần xây dựng đất nước. Sau khi về nước, Việt kiều được chính phủ chia thành nhiều nhóm nhỏ và giao trọng trách thiêng liêng, chung tay cùng với cộng đồng người Việt xây dựng vùng kinh tế mới tại khu vực miền núi thuộc các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

Nhìn chung, lịch sử người Việt di cư sang Thái Lan (hay Xiêm) diễn ra qua nhiều giai đoạn. Lần sóng đầu tiên bắt đầu từ giữa thế kỷ XVII dưới thời Ayutthaya. Lần sóng thứ hai mạnh mẽ hơn trong và sau Thế chiến II, đặc biệt khi Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954) bùng nổ và lan rộng sang Lào, khiến nhiều người Việt phải tìm đường sang Thái Lan lánh nạn [4]. Lần sóng thứ ba diễn ra từ năm 1975 đến 1995, chủ yếu là dòng người tỵ nạn [16]. Quá trình hình thành mạng lưới lao động di cư Việt-Thái từ năm 1990 đến nay được xem là lần sóng di cư thứ tư diễn ra trong bối cảnh tình hình trong nước và khu vực có nhiều chuyển biến tích cực, tạo điều kiện cho người Việt di cư sang Thái Lan làm việc [12].

3.3. Quá trình hình thành mạng lưới di cư từ Làng Thái Lan đến Thái Lan

Làng Thái Lan, một trong những điểm xuất phát quan trọng của dòng người lao động Việt Nam sang Thái Lan, cũng được hưởng lợi từ chính sách Đổi mới trong nước và khu vực như đã trình bày ở trên. Quá trình hình thành và phát triển mạng lưới lao động di cư từ Làng Thái Lan đến Thái Lan có thể được chia thành 03 giai đoạn chính như sau:

Giai đoạn 1990 - 2000, đây là giai đoạn sơ khai. Việt kiều đang sinh sống tại Thái Lan trở thành cầu nối quan trọng trong quá trình hình thành mạng lưới lao động di cư Việt - Thái. Những nhân tố tiên phong (local brokers) xây dựng mạng lưới lao động di cư từ Làng Thái Lan đến Thái Lan là những phụ nữ gốc Thái Lan đã kết hôn với Việt kiều, theo chồng về Việt Nam từ những năm 1960. Trong văn hóa của người Thái, phụ nữ vẫn giữ vai trò trụ cột trong gia đình và cộng đồng, đảm nhiệm quản lý tài chính, chăm sóc gia đình và duy trì các mối quan hệ xã hội rộng khắp, dựa trên các mạng lưới gia đình, làng xóm và tôn giáo.

Quá trình định cư tại Làng Thái Lan, huyện Như Thanh, Việt Nam, phụ nữ Thái đã trải qua một quá trình giao thoa văn hóa sâu sắc, tích lũy được vốn văn hóa lai tạo giữa hai nền văn hóa Việt Nam và Thái Lan. Họ học hỏi và tiếp thu những nét văn hóa đặc trưng của người Việt, đồng thời vẫn giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của người Thái. Sự lai tạo này không chỉ tạo nên một bản sắc văn hóa mới mà còn giúp họ thích ứng nhanh chóng với các điều kiện xã hội ở Việt Nam và Thái Lan. Bên cạnh đó, quá trình sống và làm việc trong môi trường đa ngôn ngữ đã giúp họ thành thạo cả hai ngôn ngữ Việt và Thái, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao tiếp, làm ăn và hòa nhập cộng đồng. Khả năng giao tiếp song ngữ này không chỉ đơn thuần là việc sử dụng từ ngữ mà còn bao gồm cả việc hiểu biết văn hóa giao tiếp, ứng xử xã hội của cả hai quốc gia, giúp họ trở nên nhạy bén và hiệu quả hơn trong việc giao tiếp và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Các mối quan hệ gia đình với thân tộc, bạn bè tại Thái Lan và Việt kiều đang sinh sống tại Lào vẫn được duy trì [8]. Đây được xem là nguồn vốn xã hội mang tính tiên quyết, kết hợp với bối cảnh chính trị-kinh tế trong nước và trong khu vực cho phép những nhân tố này kết nối và thiết lập mạng lưới lao động di cư từ Làng Thái Lan, Việt Nam đến Thái Lan. Trong giai đoạn này, số lượng lao động Việt Nam di cư đến Thái Lan làm việc còn rất hạn chế, lĩnh vực làm việc chủ yếu làm việc nhà, chăm sóc người già hoặc phụ giúp kinh doanh cho cộng đồng người Việt tại đây. Họ nhập cảnh trái phép vào Thái Lan thông qua đường tiểu ngạch Việt - Lào, vượt sông Mekong, né tránh sự kiểm soát của hải quan, thông qua mạng lưới di cư riêng của nhóm trung gian [12].

Giai đoạn 2000 - 2009, đây là giai đoạn ổn định. Trong giai đoạn này các nước ASEAN thực thi chính sách miễn thị thực cho công dân ASEAN được tự do đi lại giữa các quốc gia không quá 30 ngày [14], đã tạo điều kiện cho lao động di cư đi lại thuận lợi hơn qua các cửa khẩu dưới danh nghĩa là người du lịch, số lượng người trung gian tăng lên đáng kể, mở rộng sang thế hệ thứ 2, thứ 3 của Việt kiều và trở thành các hướng dẫn viên du lịch đưa các nhóm lao động di cư đến Thái Lan một cách chính thống giảm thiểu nhiều rủi ro trong quá trình di cư. Tuy nhiên, lao động di cư Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn khác, trong đó có việc phải lẩn tránh công an Thái Lan và làm mới hộ chiếu sau 30 ngày [16]. Để duy trì việc làm, họ bắt buộc phải làm mới hộ chiếu sau mỗi 30 ngày và tái nhập cảnh thông qua các công ty du lịch của Việt kiều tại Thái Lan [1]. Bên cạnh đó, việc

thực hành văn hóa Thái Lan cũng được các lao động di cư Việt Nam thực hiện như một chiến lược nhằm tránh khỏi sự chú ý của công an nước sở tại. Ở giai đoạn này, số lượng lao động di cư tăng nhanh, trong đó giới tính nam tham gia mạng lưới lao động bắt đầu xuất hiện. Công việc cũng đa dạng hơn, không chỉ giới hạn ở việc nhà hay chăm sóc người già mà mở rộng sang may mặc, bán hàng rong, phục vụ nhà hàng, buôn bán tại chợ....Địa điểm làm việc của lao động Việt Nam được mở rộng đến các trung tâm công nghiệp dệt may tập trung gần khu vực Băng Cốc, trong đó, cộng đồng lao động di cư Việt Nam sinh sống và làm việc tại khu vực Din Deang, Băng Cốc, Thái Lan là nơi tác giả lựa chọn làm địa bàn nghiên cứu.

Ở hai giai đoạn trên, vai trò của người đưa lao động vô cùng quan trọng, quyết định tới việc lao động di cư từ Làng Thái Lan đến Thái Lan có thành công hay thất bại. Ngoài việc kết nối Việt kiều tại Lào và Thái Lan, họ còn có trách nhiệm tìm kiếm và kết nối việc làm cho người lao động di cư thông qua mối quan hệ của họ với Việt kiều tại Thái Lan, đồng thời, họ cũng trở thành người chuyển tiền từ người lao động về quê nhà cũng như bảo lãnh cho lao động Việt Nam khi họ gặp vấn đề tại Thái Lan như bị công an bắt hay mâu thuẫn với chủ lao động.

Giai đoạn 2010-2023, đây là giai đoạn phát triển. Năm 2019, Thái Lan được xếp hạng là nền kinh tế lớn thứ 2 trong khu vực ASEAN, xếp hạng 25 toàn cầu theo GDP danh nghĩa và 21 thế giới xét theo sức mua tương đương [13]. Trong đó, ngành dệt may Thái Lan đóng vai trò chủ chốt trong GDP và doanh thu xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên, Thái Lan phải đối mặt với một số vấn đề nghiêm trọng về lực lượng lao động trong lĩnh vực này bởi một số lý do. Thứ nhất, tỷ lệ sinh liên tục giảm từ năm 2000 đến 2010, dẫn đến lực lượng bước vào độ tuổi lao động cũng giảm trong cùng thời kỳ. Thứ hai, công việc may mặc đòi hỏi sự khéo léo, tỉ mỉ và cần cù, điều mà phần lớn người Thái Lan không thể đáp ứng được. Do đó, Thái Lan luôn thiếu hụt nguồn nhân lực trong lĩnh vực này. Để giải quyết vấn đề này, việc tiếp nhận lao động di cư từ các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam là giải pháp hiệu quả, giúp các doanh nghiệp giảm thiểu các chi phí phát sinh như thuế, bảo hiểm, chỗ ở cho người lao động. Do đó, số lượng trung gian đưa lao động di cư Việt Nam đến Thái Lan và lao động tham gia mạng lưới di cư cũng được mở rộng không chỉ trong khu vực Làng Thái Lan mà còn các khu vực lân cận. Đối với lao động di cư Việt Nam làm việc trong ngành dệt may tại Thái Lan, năm 2014 là dấu mốc quan trọng, sau biến cố chính trị của Thái Lan, quân đội đảo chính lên nắm quyền, cấm chủ lao động người Thái thuê lao động bất hợp pháp. Chính sách này, dù kìm hãm sự phát triển của các doanh nghiệp may mặc vừa và nhỏ của Thái Lan, nhưng vô tình tạo ra một cơ hội lớn cho lao động di cư Việt Nam. Cụ thể, chính sách này cho phép lao động Việt tách ra khỏi mô hình làm thuê truyền thống và tự mình trở thành những chủ thầu dệt may, nắm quyền chủ động hơn trong chuỗi cung ứng và hưởng lợi nhuận cao hơn. Điều này không chỉ tạo ra nguồn thu nhập ổn định hơn cho người lao động mà còn góp phần hình thành nên một cộng đồng doanh nghiệp dệt may năng động do người Việt Nam làm chủ tại Thái Lan.

Kết quả phân tích về quá trình hình thành và phát triển mạng lưới di cư Việt-Thái làm nổi bật vai trò của mạng lưới di cư và các nhân tố then chốt trong mạng lưới. Điều này bổ sung và làm sâu sắc hơn liên quan đến lý thuyết về các yếu tố đẩy và kéo của di cư được phát triển bởi Everett S. Lee vào năm 1966 [15]. Lee là một nhà xã hội học người Mỹ đã nghiên cứu nguyên nhân của di cư. Ông đề xuất rằng mọi người di cư là do sự kết hợp

của các yếu tố đẩy, là những điều kiện tiêu cực ở nước xuất xứ, và các yếu tố kéo, là những điều kiện tích cực ở nước đến. Tuy nhiên, từ phát hiện của nghiên cứu, tác giả cho rằng hai yếu tố kéo - đẩy chỉ mới dừng lại ở điều kiện cần, chưa thể lý giải sâu sắc được lý do tại sao người di cư không di chuyển đến các nước có kinh tế phát triển cao hơn nơi họ lựa chọn di cư tới. Trong trường hợp này, Thái Lan chưa phải là đất nước có nền kinh tế phát triển nhất trong khu vực, nơi có thể mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất cho người lao động di cư Việt Nam. Nguyên nhân chính là do mạng lưới di cư người Việt đã được hình thành và hoạt động hiệu quả tại Thái Lan, trái ngược với sự thiếu vắng hoặc chưa phát triển của mạng lưới tương tự tại các quốc gia phát triển hơn Thái Lan trong khu vực. Do đó, trong quá trình nghiên cứu về di cư, đặc biệt là lao động di cư xuyên biên giới, các nhà nghiên cứu cần lưu ý tới hướng tiếp cận về vai trò của mạng lưới di cư, một trong những yếu tố then chốt tác động đến việc đưa ra quyết định của người di cư.

3.4. Văn hóa lai tạo của lao động di cư Việt Nam

3.4.1. Từ chiến lược đối phó trở thành thói quen hằng ngày

Như đã đề cập ở phần trên, để đối phó với những rủi ro bị chính quyền nước sở tại bắt giữ và trục xuất về nước, người lao động di cư một mặt tích cực học tiếng Thái, giao tiếp thuần thục như người Thái, mặt khác họ nỗ lực thực hành văn hóa truyền thống của người Thái như cách ăn mặc, ứng xử, tham gia giao thông, ý thức vệ sinh công cộng giống như người Thái nhằm giảm sự chú ý của công an nước sở tại. Quá trình thực hành này diễn ra trong nhiều thập kỷ và trở thành thói quen sinh hoạt hằng ngày của người lao động di cư Việt Nam. Những thói quen được thực hành lặp đi lặp lại hằng ngày và dần trở thành nét văn hóa đặc sắc, mới mẻ của người lao động di cư Việt Nam làm việc tại Thái Lan. Trong quá trình này, người lao động di cư Việt Nam đã diễn giải và tái tạo lại các yếu tố văn hóa Thái theo cách riêng của mình, tạo nên những giá trị văn hóa mới có ý nghĩa và giá trị riêng. Ví dụ, trong lĩnh vực thời trang, người lao động di cư Việt Nam thể hiện sự giao lưu, lai tạo văn hóa độc đáo. Họ không chỉ mặc trang phục truyền thống của Việt Nam, mà còn kết hợp khéo léo với các yếu tố trang phục truyền thống Thái Lan. Có thể thấy sự kết hợp này qua việc sử dụng chất liệu vải, màu sắc, họa tiết, kiểu dáng, tạo nên những phong cách thời trang mới lạ, vừa giữ được nét đặc trưng văn hóa Việt Nam, vừa mang đậm dấu ấn Thái Lan.

Những nét văn hóa mới này không chỉ giúp người lao động di cư Việt Nam hòa nhập tốt hơn vào xã hội Thái, mà còn góp phần tạo nên một bản sắc văn hóa riêng biệt và độc đáo của cộng đồng người Việt Nam tại Thái Lan. Theo quan điểm của Homi Bhabha, sự tiếp xúc giữa các nền văn hóa sẽ hình thành nên không gian thứ ba (third space), nơi diễn ra quá trình lai tạo văn hóa giữa hai hoặc nhiều nhóm dân tộc. Quá trình này diễn ra khi các nhóm người di cư tiếp xúc và tương tác với nhau trong một thời gian dài, họ sẽ tiếp thu và vay mượn những yếu tố văn hóa của nhau, đồng thời cũng sáng tạo ra những yếu tố văn hóa mới. Những yếu tố văn hóa mới này là sự kết hợp giữa các yếu tố văn hóa bản địa và văn hóa nơi tiếp nhận, tạo nên một bản sắc văn hóa độc đáo và khác biệt. Ông cho rằng, văn hóa lai tạo không chỉ là sự pha trộn đơn thuần giữa hai nền văn hóa, mà còn là một quá trình sáng tạo và tái tạo văn hóa. Trong quá trình này, các nhóm người di cư sẽ diễn giải và tái tạo lại các yếu tố văn hóa của nhau theo cách riêng của mình, tạo nên những giá trị văn hóa mới có ý nghĩa và giá trị riêng. Sản phẩm văn hóa mới này được Homi Bhabha định danh/nghĩa là văn hóa lai tạo (hybrid culture) [14].

3.4.2. Thực hành văn hóa lai tạo Việt - Thái

Người Việt di cư làm việc tại Thái Lan cư trú và lao động gắn kết thành các cộng đồng, một mặt phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của người Việt, mặt khác họ tiếp thu các giá trị văn hóa Thái Lan. Các giá trị văn hóa mới được lao động di cư Việt Nam thực hành hằng ngày ở nước sở tại và quê nhà, những giá trị lai tạo này có thể nhìn thấy qua sự thay đổi vai trò giới, hình thành cộng đồng song ngữ, kinh doanh hàng hóa, ẩm thực Thái, thực hành nét đẹp văn minh trong xếp hàng và trang phục Thái. Những nét văn hóa mới này được biểu thị rõ nét nhất ở năm nội dung dưới đây.

Thứ nhất, thay đổi vai trò giới: Sự di cư của người Việt sang Thái Lan đã mang lại những thay đổi đáng kể về vai trò giới truyền thống. Trước năm 2007, các cơ sở may mặc ở Thái Lan chủ yếu tiếp nhận lao động di cư Việt Nam là nữ giới. Tuy nhiên, từ 2007 đến nay, có sự thay đổi đáng chú ý trong cơ cấu giới tính khi tỷ lệ nam giới tham gia cùng vợ trong lĩnh vực này. Sự thay đổi này bắt nguồn từ việc phụ nữ di cư trở thành trụ cột chính trong gia đình, họ đảm nhiệm nhiều trách nhiệm truyền thống của nam giới, như đầu tư giáo dục con cái hay sửa chữa, xây dựng nhà cửa. Vai trò trụ cột kinh tế của phụ nữ di cư đã làm thay đổi mạnh mẽ cấu trúc quyền lực trong gia đình, tạo động lực mới cho quyết định di cư của cả nam giới.

Dù chăm chỉ hơn, nam giới vẫn mất dần quyền lực kinh tế do thu nhập tại Việt Nam thấp hơn nhiều so với thu nhập từ lao động di cư. Để cải thiện tình hình, họ chuyển hướng sang học nghề may và cùng vợ làm việc trong ngành dệt may tại Thái Lan. Từ năm 2007 đến 2010, số lượng thợ may nam đã tăng đều đặn, ngang bằng với lao động nữ. Khảo sát 20 xưởng may ở Din Deang do người Việt Nam di cư làm chủ cho thấy lực lượng lao động gồm 50% là các cặp vợ chồng và 50% còn lại là lao động độc thân, với số lượng nam và nữ xấp xỉ bằng nhau [12]. Sự thay đổi trong phân bổ lao động ngành may mặc của cộng đồng lao động di cư Việt Nam làm việc tại Thái Lan đặt ra thách thức lớn đối với quan điểm Nho giáo truyền thống về vai trò giới tính. Quan điểm này, vốn đã ăn sâu vào hệ nhận thức của người Việt trong xã hội truyền thống Việt Nam, quy định một cách nghiêm ngặt về sự phân chia nghề nghiệp giữa nam và nữ. Theo đó, nam giới, tượng trưng cho phái mạnh, đảm nhiệm công việc đòi hỏi sức mạnh thể chất, trong khi nữ giới, được xem là phái yếu, đảm nhận công việc cần sự khéo léo, tỉ mỉ [3]. Ngành may mặc, vì thế, vốn được coi là nghề của phụ nữ. Tuy nhiên, sự gia tăng đáng kể của lao động nam giới làm việc trong ngành dệt may tại Thái Lan, thậm chí đạt tỷ lệ ngang bằng với nữ giới, đã làm lung lay những chuẩn mực này, dẫn đến sự thay đổi lớn trong cấu trúc xã hội và quan niệm về vai trò giới trong cộng đồng lao động di cư Việt Nam làm việc tại Thái Lan.

Sự giao thoa và lai tạo văn hóa của người Việt di cư tại Thái Lan đã hình thành hệ nhận thức mới về vai trò giới, đóng một vai trò quan trọng trong sự thay đổi quan điểm truyền thống này, dẫn đến sự chuyển đổi trong hệ nhận thức về phân chia nghề nghiệp theo giới tính, pha trộn giữa giá trị truyền thống với lý tưởng đương đại. Theo thời gian, Làng Thái Lan đã chứng kiến sự thay đổi đáng kể trong hệ nhận thức của những cư dân di cư theo hướng bình đẳng giới không chỉ trong chia sẻ trách nhiệm gia đình mà còn phân chia nghề nghiệp. Qua quá trình nghiên cứu thực địa, nhóm tác giả đã quan sát trong suốt thời

gian nhiều năm và ghi nhận nam giới di cư hiện nay tại khu vực Làng Thái Lan tích cực chia sẻ công việc trong gia đình như tham gia vào các công việc mua sắm, rửa bát, nấu ăn, dọn dẹp và nuôi dạy con cái vốn được xã hội truyền thống Việt Nam quan niệm đó là công việc dành cho nữ giới. Những thay đổi này càng trở nên rõ rệt hơn khi người di cư quay về quê nhà, thực hành như họ đang sinh sống tại Thái Lan tạo ra những nét văn hóa rất mới so với cư dân không di cư, sinh sống tại các cộng đồng lân cận.

Thứ hai, hình thành cộng đồng song ngữ: Làng người Thái tại Việt Nam là một ví dụ điển hình về cộng đồng song ngữ, nơi cư dân thành thạo cả tiếng Việt và tiếng Thái. Trong quá trình khảo sát thực địa, chúng tôi ghi nhận sự sử dụng linh hoạt và thành thạo cả hai ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày của người dân. Điều này thể hiện rõ trong các cuộc trò chuyện, giao dịch mua bán, các hoạt động cộng đồng và thậm chí cả trong các nghi lễ truyền thống. Sự chuyển đổi ngôn ngữ diễn ra tự nhiên và phù hợp với ngữ cảnh, cho thấy sự hòa nhập và duy trì song song hai nền văn hóa. Trong giao tiếp hàng ngày, người dân thường sử dụng xen kẽ các từ tiếng Thái vào câu nói tiếng Việt. Những từ tiếng Thái này thường được sử dụng để bổ sung sắc thái, nhấn mạnh ý nghĩa hoặc đơn giản là thói quen ngôn ngữ đã ăn sâu. Ví dụ, họ sử dụng các từ như: “thì nì” (ở đây), “đăng năn” (do đó), “lào năn” (những cái đó), “mi/đái” (có), “ạt dạ” (có thể), “ạt dạ mại đái” (không thể), và “chên năn” (vậy)... Một số cụm từ tiếng Thái được sử dụng phổ biến tại Làng Thái Lan đến mức người Việt chưa từng đến Thái Lan cũng có thể hiểu được, ví dụ như “ra kha thảo rại khắp/khá” (giá bao nhiêu?) và “khọp khun pí mác khắp/khá” (cảm ơn rất nhiều)... Sự phổ biến của những cụm từ này cho thấy sự hòa nhập sâu sắc của ngôn ngữ Thái vào đời sống hàng ngày của cộng đồng. Sự pha trộn hài hòa giữa tiếng Việt và tiếng Thái trong giao tiếp hàng ngày tại Làng Thái Lan không chỉ làm phong phú ngôn ngữ mà còn phản ánh sự lai tạo văn hóa đặc sắc của cộng đồng. Sắc thái ngôn ngữ độc đáo này bắt nguồn từ việc sử dụng song ngữ của Việt kiều hồi hương áp dụng từ những năm 1963. Sự phát triển mạnh mẽ của mạng lưới lao động di cư Việt Nam làm việc tại Thái Lan từ năm 1990 đã giúp các thế hệ sau (thế hệ thứ hai, thứ ba) tiếp tục gìn giữ và phát triển nét văn hóa lai tạo đặc trưng này đến tận ngày nay.

Thứ ba, kinh doanh ẩm thực, hàng hóa Thái Lan: sự hiện diện với số lượng khá lớn nhà hàng và cửa hàng Thái Lan tại khu vực Làng Thái Lan, đóng vai trò then chốt trong việc quảng bá văn hóa Thái và thu hút những người đam mê văn hóa ẩm thực Thái Lan. Hiện nay, có khoảng 12 cửa hàng tạp hóa nhỏ và nhiều quầy hàng trong chợ Bến Sung cung cấp nhiều lựa chọn về sản phẩm được nhập khẩu từ Thái Lan. Làng Thái Lan có thể được mô tả như một xã hội Thái Lan thu nhỏ, được cộng đồng người Việt tại địa phương gọi một cách trìu mến là “Làng Thái”. Những hàng hóa này được người môi giới mua từ một siêu thị ở tỉnh Udon Thani, Thái Lan đưa về Việt Nam, sau đó họ phân phối đến nhiều cửa hàng trong khu vực Bến Sung. Trong thời gian nghiên cứu thực địa, nhóm tác giả đã có cơ hội thưởng thức ẩm thực Thái Lan với các món ăn như lap (gỏi sườn heo), som tam (gỏi đu đủ), tom yum (cà ri Thái cay) và lod chong (một loại món tráng miệng của Thái) đều có sẵn trong khu vực này.

Thứ tư, trật tự và văn minh trong xếp hàng: thật thú vị khi chứng kiến cảnh xếp hàng có trật tự của người dân Làng Thái Lan. Hiện tượng văn hóa này không chỉ phản ánh sự tôn trọng sâu sắc của họ đối với người khác mà còn là minh chứng cho sự xuất hiện của

một chuẩn mực đạo đức mới trong cộng đồng của họ. Sự tương phản rõ rệt giữa văn hóa xếp hàng này và hành vi chen lấn và tranh giành để được đi trước thường thấy ở Việt Nam. Từ năm 2017, tác giả đã thường xuyên đến thăm nơi này, ban đầu, thật thú vị khi quan sát những Việt kiều xếp hàng một cách có trật tự để rút tiền từ máy ATM, một hành vi không phổ biến đối với người địa phương. Có một số người địa phương đã cố gắng xen vào hàng, nhưng họ nhanh chóng bị chặn lại bởi những người Việt kiều. Do đó, trải qua thời gian người dân địa phương cũng dần tạo nên thói quen xếp hàng khi rút tiền. Quá trình nghiên cứu thực địa kéo dài nhiều năm, tác giả phát hiện ra rằng ảnh hưởng của văn hóa xếp hàng này không chỉ áp dụng khi rút tiền tại cây ATM mà người dân nơi đây đã xếp hàng để nhận các dịch vụ khác nhau. Sự thay đổi đáng chú ý này đã làm nảy sinh một hiện tượng văn hóa mới phản ánh nếp sống văn minh và tính kỷ luật trong cộng đồng.

Thứ năm, mang trang phục theo phong cách Thái: Khi ở Thái Lan, người lao động di cư thể hiện xu hướng áp dụng phong cách ăn mặc của người Thái như một phương tiện để hòa nhập văn hóa nước sở tại. Tương tự, khi ở Việt Nam, họ quen với trang phục Thái, trong các sự kiện văn hóa như đám cưới, lễ đón năm mới, thi đấu thể thao ở làng quê, họ chọn mặc trang phục kiểu Thái để khẳng định bản sắc riêng biệt của mình. Do đó, một nét văn hóa mới đã xuất hiện trong cộng đồng người Việt di cư, nơi họ dần dần đón nhận phong cách thời trang đầy màu sắc, rộng rãi và thoáng mát của Thái Lan.

4. KẾT LUẬN

Quá trình di cư của lao động Việt Nam sang Thái Lan dựa vào mạng lưới di cư do nhóm trung gian người Thái Lan xây dựng từ những năm 1990, họ là vợ của các Việt kiều hồi hương về nước từ những năm 1960. Các nghiên cứu về di cư lao động trước đây thường dựa trên lý thuyết đẩy-kéo (push-pull factors) [15], tập trung vào việc phân tích các yếu tố thúc đẩy người lao động di cư (yếu tố đẩy, ví dụ như nghèo đói, thiếu việc làm, bất ổn chính trị) và các yếu tố thu hút họ đến điểm mới (yếu tố kéo, ví dụ như cơ hội việc làm tốt hơn, mức lương cao hơn, điều kiện sống tốt hơn). Tuy nhiên, nghiên cứu này cho thấy rằng lý thuyết đẩy-kéo chưa đủ để giải thích đầy đủ quyết định di cư của lao động Việt Nam đến Thái Lan. Nghiên cứu đã bổ sung một yếu tố quan trọng khác, đó là vai trò then chốt của mạng lưới di cư. Mạng lưới này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quá trình di cư an toàn, hỗ trợ tìm việc, giải quyết khó khăn tại Thái Lan, chuyển tiền về nước, tìm chỗ ở, và thậm chí hỗ trợ tài chính cho người di cư mới. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét mạng lưới di cư như một yếu tố quyết định trong quá trình ra quyết định di cư của người lao động.

Hơn thế nữa, lao động di cư không dừng lại ở nghĩa vụ gửi tiền về trợ giúp gia đình mà còn chuyển những giá trị văn hóa mới hình thành trong quá trình làm việc tại nước sở tại về thực hành tại quê nhà, tạo nên những nét văn hóa đặc sắc trong cộng đồng của họ. Nhờ đó, người dân Làng Thái Lan có lối sống, nét văn hóa, tư duy khác biệt, văn minh hơn so với các khu dân cư khác trên địa bàn huyện Như Thanh và các vùng lân cận, đóng góp tích cực vào phong trào xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh của người dân địa phương. Quá trình lai tạo văn hóa nhấn mạnh Làng Thái Lan là một không gian năng động, tiến bộ luôn có sự đổi mới theo thời gian nhờ vào quá trình di cư giữa hai nước được duy trì. Nhiều nét văn hóa

kết hợp các giá trị, truyền thống và phong tục của quê hương với các yếu tố văn hóa mới được lao động di cư thực hành tạo nên một cộng đồng với những bản sắc văn hóa độc đáo và riêng biệt. Các quan điểm truyền thống theo tư tưởng Nho giáo của người Việt đã được lai tạo và đổi mới mang tính tích cực và hiện đại hơn. Theo đó vai trò giới trong gia đình và xã hội ngày càng cải tiến và văn minh, sự trân trọng lẫn nhau và hướng tới sự bình đẳng giới trong cộng đồng lao động di cư Việt Nam là kết quả đã được ghi nhận.

Sự giao thoa văn hóa giữa cộng đồng lao động di cư Việt Nam và các cộng đồng khác tại Thái Lan, tạo nên một “không gian thứ ba” - một môi trường xã hội mới, nơi các nền văn hóa gặp gỡ, tương tác và lai tạo - đã thúc đẩy quá trình học hỏi và hiểu biết lẫn nhau một cách sâu sắc về các nền văn hóa đa dạng của ASEAN, từ đó hình thành nên những giá trị văn hóa mới, tích cực, thúc đẩy sự hòa nhập, hòa bình và phát triển bền vững trong cộng đồng ASEAN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Xuân Anh (2020), *Chiến lược ứng phó rủi ro của lao động không đăng ký: Nghiên cứu trường hợp lao động Việt Nam di cư sang Thái Lan*, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học Xã hội và Nhân văn, 3(3):133-141.
- [2] Nguyễn Hồng Bắc (2016), *Bất ổn an ninh chính trị-xã hội tại Thái Lan*, https://www.academia.edu/31900707/B%E1%BA%A5t_%E1%BB%95n_an_ninh_ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B_x%C3%A3_h%E1%BB%99i_t%E1%BA%A1i_Th%C3%A1i_Lan_1
- [3] Ngô Ngân Hà (2017), *Phân công lao động trong gia đình từ góc nhìn của nam giới khu vực Đồng bằng sông Hồng*, Tạp chí Xã hội học, số 2 (138).
- [4] Nguyễn Quý Hạnh (2016), *Di cư và phát triển: Lao động di cư Việt Nam ở Thái Lan*, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, 6 (132), 68-77.
- [5] Nguyễn Thị Hồng (2015), *Giao lưu tiếp biến văn hóa: Giáo trình nội bộ*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- [6] Hà Lê Huyền (2015), *Lịch sử quan hệ Thái Lan - Việt Nam trước 1991*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 11(188): 31-38.
- [7] Hà Nguyên Khoa (2016), *Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng người Việt ở Thái Lan*, Luận án Tiến sĩ Trường Đại học Vinh, Nghệ An, Việt Nam.
- [8] Nguyễn Hồng Quang (2013), *Đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Việt ở Đông Bắc Thái Lan (Trường hợp tỉnh Sakon Nakhon)*, Luận án Tiến sĩ Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, Việt Nam,.
- [9] Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật học Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- [10] Nguyễn Duy Thiệu (2008), *Di cư và chuyển đổi lối sống: Trường hợp Cộng đồng người Việt ở Lào*, Nxb. Thế giới Hà Nội.
- [11] UBND thị trấn Bến Sung (2004), *Lịch sử hình thành Làng Thái Lan*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [12] Achariya Choowonglert, Lê Văn Tôn (2022), *From “Làng Thái Lan” to Thailand: Ethnographic inquiry in networks, brokers, and social orders of sending Vietnamese Migrant workers to Thailand*, Journal of Anthropology Sirindhorn Anthropology Centre (JASAC), 5(1), 82-128.

- [13] Association of Southeast Asian Nations (2006), *ASEAN framework agreement on visa exemption Kuala Lumpur*,
<https://agreement.asean.org/media/download/20160831072909.pdf>
- [14] Bhabha, H. K (1994), *The Location of Culture*, London and New York: Routledge.
- [15] Everett S. Lee (1966), *A theory of migration*, *Demography*, 3(1), 47-57.
- [16] Nancy Huyen Nguyen, John Walsh (2014), *Vietnamese Migrant workers in Thailand - implications for leveraging migration for development*, *Journal of Identity and Migration Studies*, 8(1), 68-94.
- [17] Poole, P. A (1967), *Thailand's Vietnamese minority*, *Asian survey*, VII(12), p.886-895.
- [18] Poole, P. A (1970), *The Vietnamese in Thailand: A historical, perspective*. London: Cornell. University Press.
- [19] Ruttharom, ข. เ. S. (1968). นโยบาย ต่างประเทศ ของ ไทยปี 1945-1954, วิทยานิพนธ์ปริญญาโท ภาค วิชาการ ต่างประเทศ มหาวิทยาลัย จุฬาลงกรณ์ (Chính sách ngoại giao của Thái Lan năm 1945-1954), Luận văn Thạc sĩ Trường Đại học Chulalongkorn, Băng Cốc, Thái Lan.

MIGRATION AND CULTURAL HYBRIDIZATION: VIETNAMESE MIGRANT WORKERS IN THAILAND

Le Van Ton, Le Thi Thanh Thuy

ABSTRACT

Labor migration is a complex phenomenon with significant consequences for regional cultural landscapes. In the ASEAN context, Vietnamese migrant workers in Thailand not only contribute to bilateral economic growth but also create a “third space”, “emerging from the interaction between Vietnamese and Thai cultures. This “third space” fosters a new social environment where cultures meet and interact, leading to cultural hybridization and the formation of new cultural values. These values not only enrich the cultural identities of Vietnam and Thailand but also contribute positively to the region's civilizational development, fostering a peaceful, prosperous, and sustainable ASEAN community.

Keywords: Migrant workers, cultural hybridization, Thailand village, Thanh Hoa Province, Vietnam.

* Ngày nộp bài: 13/6/2024; Ngày gửi phản biện: 19/6/2024; Ngày duyệt đăng: 15/01/2025